

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày 05/04/2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Lâm và bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Loan- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 05 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn Đ** (tên gọi khác Phạm Văn D), sinh năm 1981;

Nơi ĐKKHKT: thôn V, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1982.

ĐKKHKT: thôn V, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

-Người làm chứng:

+ Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1955.

+ Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1958;

+ Ông **Nguyễn Viết Tr**, sinh năm 1954

Đều trú quán: thôn V, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

Anh Đ, chị L có mặt, ông H, ông T có mặt tại phiên tòa ngày 04/4/2023 nhưng đều vắng mặt ngày 05/4/2023; ông Tr vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn anh **Phạm Văn Đ** (tức Diệp) trình bày:

+ Về hôn nhân: Anh và chị **Nguyễn Thị L** kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 26/10/2001. Sau khi kết hôn, anh chị ở chung với bố mẹ anh một thời gian ngắn thì ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được vài năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là

do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, sinh hoạt cũng như cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình, nghi ngờ nhau về lối sống. Vì vậy mà vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, đánh cãi chửi nhau. Tuy vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng đã sống ly thân một năm nay, công việc của ai người đó làm, kinh tế của ai người đó quản lý, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Văn M, sinh ngày 07/10/2001 và Phạm Tuyết N, sinh ngày 15/10/2010. Cháu M đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu N đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng xin được ở với anh. Vì vậy, anh nhất trí xin được nuôi dưỡng cháu N và tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh làm tự do, mức thu nhập trung bình khoảng 10 triệu đồng/tháng và vẫn ở nhà của vợ chồng có phòng riêng cho bố con anh sinh hoạt.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh có tài sản chung là nhà đất nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

+ Về hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn giống như anh Đ (tức Diệp) đã trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung với bố mẹ anh Đ một thời gian thì ra ở riêng ở cùng thôn. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến thời gian gần đây anh Đ có quan hệ ngoài luồng, không chung thủy chứ vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Mặc dù mấy tháng gần đây, vợ chồng không ăn chung, ngủ chung với nhau nhưng theo chị đó là vấn đề bình thường. Chị xác định vẫn còn tình cảm với anh Đ và mong muốn các con có bố, có mẹ để làm chỗ dựa. Vì vậy, anh Đ xin ly hôn, chị không đồng ý.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh Đ đã trình bày là đúng, cháu tên là Phạm Văn M, sinh ngày 07/10/2001 và Phạm Tuyết N, sinh ngày 15/10/2010, cháu Mạnh đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Mặc dù cháu N có nguyện vọng xin được ở với bố. Tuy nhiên chị không đồng ý giao con cho anh Đ nuôi dưỡng vì: anh Đ thường xuyên vắng nhà, ít quan tâm đến con, sau này anh Đ lấy vợ thì không có ai chăm sóc cho cháu. Vì vậy, chị xin được nuôi dưỡng con chung yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho cháu N theo tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hiện chị làm công nhân, thu nhập trung bình từ 7 triệu đến 7,5 triệu đồng/tháng, chị vẫn ở nhà đất của vợ chồng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà đất nhưng chị và anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người làm chứng là ông Phạm Văn T cung cấp: Ông là hàng xóm với vợ chồng anh Đ, chị L. Anh, chị được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, sau đó ra thửa đất ở gần nhà ông sinh sống tính đến nay cũng được khoảng gần 20 năm. Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống tương đối hòa thuận, tuy nhiên vài năm gần đây thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều và trở lên trầm trọng. Nguyên nhân cụ thể là gì thì ông không nắm được, chỉ biết vợ chồng anh Đ, chị L thường xuyên xảy ra, đánh, cãi

chửi nhau. Khoảng gần 01 năm trở lại đây, tuy anh Đ, chị L vẫn ở chung một nhà nhưng công việc của ai người đó làm, kinh tế của ai người đó lo và không còn quan tâm gì đến nhau nữa, bỏ mặc cho bên kia muốn sống ra sao thì sống. Có những lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xô xát, vì là hàng xóm có lần ông gọi anh Đ, có lần ông gọi chị L sang nhà ông để khuyên bảo, vợ chồng có gì thì bảo nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện.

Kết quả làm việc với ông Phạm Văn Hồng (bố đẻ anh Đ và là bố chồng chị L) xác định: về thời gian và điều kiện kết hôn như anh chị đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị về ở cùng với vợ chồng ông một thời gian thì ra ở riêng, quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Theo ông tìm hiểu, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Thời gian gần đây thì mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn, nên vợ chồng liên tục xảy ra đánh cãi, chửi nhau và xúc phạm nhau. Khoảng gần 01 năm trở lại đây, tuy anh Đ, chị L vẫn ở chung một nhà nhưng công việc của ai người đó làm, kinh tế của ai người đó lo và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh Đ xin ly hôn chị L, là bậc cha mẹ, ai cũng mong muốn cho các con mình hạnh phúc, nhưng anh chị có ở được với nhau hay không là do anh chị quyết định. Vợ chồng có hai con chung, đối với cháu Mạnh hiện đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và đi làm tự lo cuộc sống. Đối với cháu N đang ở với anh Đ chủ yếu do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Trường hợp Tòa án giao con anh Đ nuôi dưỡng, vợ chồng chúng ông sẽ tạo điều kiện hỗ trợ anh Đ trong việc chăm sóc con với những điều kiện tốt nhất.

Kết quả làm việc với ông Nguyễn Viết Tr (Bố đẻ chị L và là bố vợ anh Đ) xác định: về thời gian và điều kiện kết hôn như anh chị đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Thời gian gần đây thì mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn, nên vợ chồng liên tục xảy ra đánh cãi, chửi nhau và xúc phạm nhau. Khoảng gần 01 năm trở lại đây, tuy anh Đ, chị L vẫn ở chung một nhà nhưng công việc của ai người đó làm, kinh tế của ai người đó lo, bỏ mặc cho bên kia muốn sống ra sao thì sống. Nay anh Đ xin ly hôn chị L, đây là việc riêng của vợ chồng do anh chị tự quyết định. Vợ chồng có hai con chung, cháu Mạnh đã trưởng thành, trường hợp Tòa án giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng, vợ chồng chúng ông sẽ tạo điều kiện hỗ trợ về chỗ ở và hỗ trợ chị L trong việc chăm sóc con với những điều kiện tốt nhất.

- Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã Q, đại diện cán bộ lao động thương binh xã hội, hội phụ nữ và Trưởng thôn V đều được cung cấp: về thời gian và điều kiện kết hôn của anh chị đúng như các đương sự đã trình bày. Trước đây, anh Phạm Văn Đ còn có tên gọi khác là Diệp nên khi đăng ký kết hôn đã khai là Phạm Văn D và dù là Phạm Văn Đ hay Phạm Văn D đều là một người và là người đã được UBND xã Quang Khải đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị L ngày 26/10/2001. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại gia đình ông Hồng một thời gian ngắn thì ra ở riêng, quá trình

chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu. Khoảng 10 năm trở lại đây, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm, nghi ngờ nhau về lối sống nên thường xuyên xảy ra xô xát, đánh cãi chửi nhau. Thời gian gần đây, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng hơn, chính quyền địa phương và các đoàn thể đã động viên, hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Hiện, anh chị vẫn sống chung nhà nhưng công việc của ai người đó làm, kinh tế của ai người đó lo, mặc cho bên kia muốn sống ra sao thì sống, vừa qua, khi mâu thuẫn vợ chồng, anh Đ có đánh chị L, chị L đã làm đơn trình báo công an xã và Công an huyện Tứ Kỳ đang xử lý vụ việc. Nay anh Đ xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có 02 con chung như các đương sự đã trình bày, cháu lớn là Phạm Văn M, sinh ngày 07/10/2001 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và đi làm tự lo cuộc sống, cháu và Phạm Tuyết N, sinh ngày 15/10/2010 hiện chủ yếu do anh Đ chăm sóc. Do cháu N đã trên 7 tuổi nên khi giao con cho ai chăm sóc, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của cháu. Hiện chị L làm công nhân, anh Đ buôn bán làm tự do, đều có thu nhập và đang ở nhà đất của vợ chồng.

Tại phiên tòa, anh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị L và xin được nuôi dưỡng con chung như đã trình bày. Chị L thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nhiều lần đánh cãi chửi nhau nhưng nguyên nhân đều do anh Đ và đề nghị Tòa án giải quyết xong về tài sản nhà đất mới tiếp tục phiên tòa nên không nhất trí ly hôn và không nhất trí giao con cho anh Đ nuôi dưỡng.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Phạm Văn Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị L; Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn Đ được nuôi dưỡng con chung Phạm Tuyết N, sinh ngày 15/10/2010 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: anh Đ, chị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Anh Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Văn Đ (tức Diệp) và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ ngày 26/10/2001 là hôn nhân hợp pháp.

[2] Mặc dù chị L không đồng ý ly hôn anh Đ, tuy nhiên tại đơn trình bày và tại phiên tòa, chị L cũng thừa nhận từ năm 2011 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau xong rồi lại thôi nhưng càng ngày mâu thuẫn càng nhiều, anh Đ hay tụ tập bạn bè uống rượu, mỗi lần

say rượu về thường hay lăng mạ, xúc phạm, đánh đập chị, đã nhiều lần anh Đ đánh chị, lần gần đây nhất anh Đ đánh chị phải khâu 16 mũi, chị đang yêu cầu Công an huyện xử lý, ngoài ra anh Đ còn có lối sống không chung thủy, có người phụ nữ khác. Lời khai của chị L phù hợp lời khai của người làm chứng ông Phạm Văn T và ông Phạm Văn H (bố đẻ của anh Đ), ông Nguyễn Việt Tr (bố đẻ của chị L) cũng như biên bản xác minh với các đoàn thể và lãnh đạo UBND xã Quang Khải, Hội đồng xét xử nhận định: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc, mấy năm trở lại đây thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình, mỗi người có một quan điểm trái ngược nhau, chính vì vậy mà vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, đánh cãi, chửi nhau. Chính quyền và các đoàn thể thôn Vũ Xá và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, động viên, hòa giải nhưng tình cảm giữa anh Đ và chị L không được cải thiện. Xét nguyện vọng của chị L xin được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung là chính đáng, nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay chị L cũng không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm, tình cảm vợ chồng có chiều hướng ngày một xấu đi. Như vậy, HĐXX có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa anh Đ, chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Đ (tức Diệp) được ly hôn chị L là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh Đ đã trình bày là đúng, cháu tên là Phạm Văn M, sinh ngày 07/10/2001 và Phạm Tuyết N, sinh ngày 15/10/2010. Đối với cháu M đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), phát triển bình thường về thể lực, trí lực nên Tòa án không phải giải quyết. Xét nguyện vọng xin nuôi con chung là cháu Phạm Tuyết N của anh Đ, chị L đều chính đáng và đều xuất phát từ tình cảm của cha mẹ đối với con. Tuy nhiên, để xem xét giao con cho ai nuôi dưỡng, cần xem xét một cách khách quan, toàn diện, tất cả vì lợi ích của con, Hội đồng xét xử thấy rằng: anh Đ làm nghề tự do và chị L làm công nhân và đều có thu nhập, có chỗ ăn ở và đều được bố mẹ hai bên hỗ trợ nếu được nuôi con nên điều kiện nuôi con là như nhau. Tuy nhiên, hiện cháu N đã trên 12 tuổi và có nguyện vọng xin được ở với bố, anh Đ nhất trí nuôi dưỡng cháu N. Bố mẹ anh Đ cũng cam kết tạo điều kiện hỗ trợ anh Đ trong việc nuôi con với những điều kiện tốt nhất, đại diện lãnh đạo UBND xã Q và các đoàn thể địa phương cũng xác định do cháu N đã trên 7 tuổi nên cần xem xét đến nguyện vọng của con chung. Trường hợp Tòa án giao con cho anh Đ nuôi dưỡng cũng đảm bảo quyền lợi cho con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của con chung, HĐXX giao cho anh Đ được nuôi dưỡng con chung Phạm Tuyết N cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: anh Đ, chị L đều xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà đất. Tại phiên tòa, chị L mới có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét phân chia tài sản nhà đất, HĐXX thấy rằng: Quá trình Tòa án giải quyết, các đương sự đều xác định đề vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và không yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết. Tòa án cũng đã giải thích trường hợp anh Đ, chị L không tự thỏa thuận phân chia được thì anh chị có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng một vụ án khác. Vì vậy, HĐXX không giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Anh Phạm Văn Đ khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn Đ (tên gọi khác Phạm Văn D) được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Tuyết N, sinh ngày 15/10/2010 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), (hiện cháu N đang ở với vợ chồng). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai số AA/2021/0000798 ngày 28/11/2022.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân